

KẾ HOẠCH

Tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BTNMT ngày 30/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật thu nhận và xử lý dữ liệu ảnh số từ tàu bay không người lái phục vụ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1: 5.000 và thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1.000;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin CSDLQG về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 25/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quy trình xây dựng CSDLQG về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật đo đạc, lập bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2026/TT-BNNMT ngày 30/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định kỹ thuật thực hiện lồng ghép nội dung đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập HSĐC và xây dựng CSDLQG về đất đai;

Căn cứ Quyết định 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Quy định thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai);

Thực hiện Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Bộ Công an về việc tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Thực hiện Văn bản số 239/TB-VPCP ngày 08/5/2026 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng tại cuộc họp ngày 06/5/2026 báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg;

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xây dựng Kế hoạch tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH; ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI; LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Tỉnh Gia Lai sau khi sáp nhập có 135 đơn vị hành chính cấp xã với tổng diện tích tự nhiên là 2.158.107 ha, là địa phương có diện tích đất đai lớn, địa hình đa dạng, phức tạp, phân bố dân cư không đồng đều, gây nhiều khó khăn trong công tác quản lý và tổ chức triển khai đồng bộ công tác đo đạc, đăng ký đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Mặt khác, trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai với 2.232.507 thửa đất, hình thành từ hai nguồn chính gồm cơ sở dữ liệu của tỉnh Bình Định (trước sáp nhập) và cơ sở dữ liệu của tỉnh Gia Lai (trước sáp nhập), hiện đang được vận hành trên hai hệ thống phần mềm khác nhau là VNPT-iLIS và VBDLIS, dẫn đến tình trạng dữ liệu chưa đồng bộ về cấu trúc, chuẩn thông tin và quy trình quản lý.

Về bản đồ địa chính, tổng diện tích đã đo đạc lập bản đồ địa chính (hệ tọa độ VN-2000) là 260.155 ha, trong đó: tỷ lệ 1:500 là 4.060 ha; tỷ lệ 1:1.000 là 26.560 ha; tỷ lệ 1:2.000 là 221.035 ha; tỷ lệ 1:5.000 là 8.500 ha; phân bố tập trung tại các địa bàn cấp huyện (cũ): Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ, An Lão, Hoài Nhơn, Tây Sơn, Pleiku, Chư Prông, Đức Cơ và một phần diện tích của các xã; thời gian

thành lập trải qua nhiều thời kỳ, từ năm 2000 đến nay, đã có nhiều biến động về đất đai nhưng chưa được chỉnh lý biến động kịp thời. Do vậy, khối lượng cần thành lập bản đồ địa chính mới và chỉnh lý biến động là rất lớn, phân tán trên nhiều khu vực có điều kiện địa hình khó khăn, đòi hỏi phải có giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm bảo đảm tiến độ, chất lượng và tính đồng bộ của cơ sở dữ liệu đất đai trên toàn tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tỉnh Gia Lai đã triển khai thực hiện và hoàn thành rà soát, xác thực thông tin chủ sử dụng đất cho 2.053.343/2.062.125 thửa đất trên địa bàn toàn tỉnh; đã bổ sung thông tin Mã định danh thửa đất cho hơn 1,73 triệu thửa; UBND cấp xã đã tích cực tuyên truyền, vận động và thu thập, quét (scan) hơn 51.500 Giấy chứng nhận chưa có trong CSDL để đưa vào hệ thống quản lý.

Kết quả rà soát, phân loại cơ sở dữ liệu đất đai cho thấy dữ liệu hiện có được chia thành 03 nhóm chính gồm: nhóm dữ liệu đã bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”; nhóm dữ liệu cần phải chỉnh lý, bổ sung, chuẩn hóa và xác thực thông tin chủ sử dụng đất; và nhóm dữ liệu không còn giá trị sử dụng cần phải tổ chức đo đạc, xây dựng lại từ đầu. Trong đó, khối lượng dữ liệu cần tiếp tục hoàn thiện và làm sạch chiếm tỷ lệ lớn, là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn triển khai kế hoạch.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI

1. Mục tiêu

- Hoàn thiện việc đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai trong năm 2026 theo mục tiêu của Nghị quyết số 79-NQ/TW, Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm toàn bộ các thửa đất trên phạm vi toàn tỉnh đều được tạo lập dữ liệu số;

- Ưu tiên áp dụng các phương pháp đo đạc hiện đại như: thiết bị bay không người lái (UAV/Drone); công nghệ định vị, dẫn đường bằng hệ thống vệ tinh toàn cầu GNSS ... có kết hợp đo đạc truyền thống cùng với sự tích hợp của trí tuệ nhân tạo (AI) để tăng độ chính xác, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Đưa CSDL đất đai vào quản lý, vận hành, khai thác phục vụ công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công về đất đai; cải cách và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử; phấn đấu đến hết năm 2026, 100% thủ tục hành chính về đất đai đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến.

- Hoàn thiện đồng bộ khung pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin đất đai để xây dựng và phát triển thị trường dữ liệu về đất đai.

2. Yêu cầu

- Xác định việc hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai tỉnh Gia Lai là nhiệm vụ chính trị trọng tâm.

- Cơ sở dữ liệu về đất đai phải được xây dựng, hoàn thiện đầy đủ các nội dung theo Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an, theo tiêu chí “**đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung**”; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

- Kế thừa tối đa kết quả của Chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch CSDL quốc gia về đất đai (Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT), tập trung xử lý triệt để những tồn tại, điểm nghẽn đã được xác định trong quá trình tổng kết Kế hoạch 515/KH-BCA-BNN&MT;

- Rà soát chuẩn hóa đưa vào sử dụng hiệu quả các tài liệu, hồ sơ, bản đồ hiện có; tránh trùng lặp, lãng phí; bảo đảm dữ liệu sau khi xây dựng được đưa ngay vào quản lý, khai thác, sử dụng;

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai phải được đồng bộ, tập trung, thống nhất về Trung ương, kết nối chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư, Trung tâm dữ liệu quốc gia và giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Rà soát, tái cấu trúc các quy trình, thủ tục hành chính, trong đó tập trung vào các thủ tục, quy trình nội bộ để cắt giảm các thành phần hồ sơ giấy, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong CSDL đất đai, CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL khác để giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất của người dân, doanh nghiệp; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp, khai báo lại các thông tin, giấy tờ đã được số hóa trong CSDL quốc gia về đất đai;

- Bảo đảm tuyệt đối về an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình tổ chức triển khai xây dựng, hoàn thiện, vận hành và kết nối, chia sẻ CSDL quốc gia về đất đai;

- Việc triển khai phải được tập trung ưu tiên, quyết liệt, khoa học, chất lượng, hiệu quả với sự tham gia của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở theo nguyên tắc “**rõ người - rõ việc - rõ thời gian - rõ trách nhiệm - rõ sản phẩm - rõ thẩm quyền**”;

- Quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch phải được triển khai quyết liệt, đồng bộ, khoa học, hiệu quả; rà soát, xác định đầy đủ khối lượng công việc, khu vực dữ liệu còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa bảo đảm chất lượng để tổ chức thực hiện theo lộ trình, tiến độ cụ thể; dữ liệu đủ điều kiện phải được cập nhật, đưa ngay vào quản lý, vận hành, khai thác phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo yêu cầu đề ra trong năm 2026 theo tinh thần Thông báo số 239/TB-VPCP ngày 08/5/2026 của Văn phòng Chính phủ;

- Người đứng đầu các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ được giao; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; kịp thời xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh; kiên quyết xử lý các trường hợp chậm trễ, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

3. Thời gian và phạm vi triển khai

3.1. Thời gian thực hiện: 09 tháng (từ 01/4/2026 đến 31/12/2026) trong đó được phân thành 02 giai đoạn cụ thể gồm:

- Giai đoạn 1: Rà soát, hoàn thành công tác chuẩn bị trước ngày 15/5/2026.
- Giai đoạn 2: Đo đạc lòng ghép đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai: Từ tháng 5 đến hết tháng 12 năm 2026 (là giai đoạn trọng tâm, chiếm khối lượng lớn); Kiểm tra, nghiệm thu, hoàn thiện và đồng bộ dữ liệu.

3.2. Phạm vi triển khai

Triển khai thực hiện đồng bộ trên phạm vi 135 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Gia Lai gồm hai nhóm nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể:

- Nhóm nhiệm vụ thứ nhất là tổ chức đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đối với các khu vực, các thửa đất chưa có dữ liệu hoặc dữ liệu không còn giá trị sử dụng, thực hiện theo quy trình lòng ghép, đồng thời tạo lập dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính để hoàn thiện đầy đủ cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi toàn tỉnh, sẵn sàng kết nối, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và đưa vào khai thác, sử dụng hiệu quả.

- Nhóm nhiệm vụ thứ hai là rà soát, đánh giá, làm sạch toàn bộ cơ sở dữ liệu đất đai đã được xây dựng qua các thời kỳ, bao gồm việc phân loại dữ liệu theo mức độ hoàn thiện, chuẩn hóa thông tin, xử lý sai lệch, trùng lặp, thiếu hụt dữ liệu và đối soát, xác thực thông tin người sử dụng đất với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm dữ liệu đạt tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”.

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đối với các thửa đất chưa có dữ liệu

1.1. Rà soát, tổng hợp khu vực, diện tích đã thực hiện đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính qua các thời kỳ tại 135 đơn vị cấp xã, xác định phạm vi chưa có bản đồ địa chính và khối lượng cần đo đạc.

1.2. Đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính đối với những khu vực còn thiếu hoặc bản đồ không bảo đảm chất lượng; ưu tiên các khu vực có nhiều giao dịch, biến động, khu đô thị mới, khu vực trọng điểm kinh tế.

1.3. Đăng ký đất đai, hoàn thiện hồ sơ địa chính.

1.4. Xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai: Số hóa, tạo lập dữ liệu đối với các thửa đất chưa có trong CSDL đất đai. Tạo lập Mã định danh duy nhất cho từng thửa đất để kết nối với Nền tảng địa chỉ số quốc gia, tránh trùng lặp.

2. Hoàn thiện, duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác CSDL đã được triển khai theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT

2.1. Duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác các thửa đất đã đảm bảo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”

Đối với 757.098 thửa đất đã được xây dựng trong cơ sở dữ liệu đất đai và bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”, tổ chức duy trì, quản lý và khai thác hiệu quả trên môi trường số, từng bước thay thế hoàn toàn phương thức quản lý thủ công bằng hồ sơ giấy sang quản lý điện tử tập trung, thống nhất trong hệ thống thông tin đất đai. Thực hiện cập nhật biến động đất đai kịp thời, đầy đủ ngay khi phát sinh các giao dịch, thay đổi về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thông qua giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực.

Đồng thời, đẩy mạnh việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu đất đai trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin của cơ quan thuế, công chứng, ngân hàng và các cơ quan liên quan; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính và chất lượng phục vụ.

2.2. Hoàn thiện, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đối với các thửa đất đã có dữ liệu nhưng chưa đảm bảo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”

Đối với 1.475.409 thửa đất đã được tạo lập trong cơ sở dữ liệu nhưng chưa bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”, tổ chức rà soát, đối soát, bổ sung và chuẩn hóa toàn diện thông tin. Nội dung thực hiện bao gồm việc đối khớp, xác thực thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; bổ sung, cập nhật đầy đủ các thông tin còn thiếu về loại đất, mục đích sử dụng đất, nguồn gốc sử dụng đất, thời hạn sử dụng và các thông tin pháp lý có liên quan.

Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu phải bảo đảm đầy đủ ba nhóm dữ liệu gồm dữ liệu không gian địa chính (bản đồ, ranh giới thửa đất), dữ liệu thuộc tính (thông tin pháp lý, thông tin chủ sử dụng, đặc điểm thửa đất) và dữ liệu phi cấu trúc (hồ sơ quét, tài liệu pháp lý liên quan). Đồng thời, thực hiện xử lý các tồn tại bảo đảm mỗi thửa đất được quản lý thống nhất, đầy đủ, chính xác và có khả năng khai thác, sử dụng lâu dài.

2.3. Đồng bộ dữ liệu theo thời gian thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Tổ chức thiết lập và vận hành cơ chế đồng bộ dữ liệu tự động giữa cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, bảo đảm việc cập nhật, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thường xuyên, liên tục và theo thời gian thực ngay sau khi phát sinh biến động. Việc đồng bộ phải bảo đảm tuân thủ các quy định về cấu trúc dữ liệu, chuẩn thông tin và yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình kết nối, truyền nhận dữ liệu.

Trong quá trình vận hành, thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng dữ liệu sau đồng bộ; kịp thời phát hiện, xử lý các lỗi sai lệch, mất đồng bộ hoặc trùng

lập dữ liệu; bảo đảm dữ liệu đất đai của địa phương luôn được duy trì ở trạng thái “sống”, phản ánh đúng hiện trạng sử dụng đất và sẵn sàng phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và khai thác thông tin theo quy định.

3. Hoàn thành hạ tầng và phần mềm thống nhất

3.1. Thống nhất phần mềm nền tảng, phần mềm chuyên dụng dùng chung để quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin đất đai tại địa phương.

3.2. rà soát, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại địa phương để đảm bảo vận hành.

4. Đồng bộ, kết nối, chia sẻ CSDL đất đai thống nhất, dùng chung

Tiếp tục, mở rộng kết nối, chia sẻ CSDL đất đai với các cơ quan tại địa phương để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất và xác định nghĩa vụ tài chính cho người dân, doanh nghiệp.

5. Quản lý, vận hành CSDL đất đai, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn hệ thống

5.1. Tái cấu trúc các quy trình, thủ tục hành chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất để cắt giảm các thành phần hồ sơ giấy, sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong CSDL quốc gia về đất đai, CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL khác để giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất của người dân, doanh nghiệp.

5.2. Nâng cao mức độ dịch vụ công trực tuyến dựa trên dữ liệu đất đai và dữ liệu dân cư; mở rộng các thủ tục thực hiện trực tuyến toàn trình.

5.3. Bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật CSDL đất đai; xây dựng phương án dự phòng, ứng phó khi xảy ra sự cố; triển khai cơ chế kiểm toán, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin; bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp thông suốt, không bị gián đoạn.

5.4. Duy trì các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; sử dụng công cụ giám sát, cảnh báo chất lượng dữ liệu. Thiết lập và thực hiện nghiêm cơ chế phân quyền, kiểm soát truy cập, ghi nhật ký mọi thao tác đối với dữ liệu; định kỳ đánh giá, kiểm tra an ninh mạng, an toàn thông tin.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Thành lập hoặc kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ công tác tại cấp tỉnh, cấp xã để tổ chức triển khai nhiệm vụ đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng CSDL đất đai năm 2026 (UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 17/4/2026).

2. Xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và xây dựng CSDL đất đai năm 2026.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Cục Quản lý đất đai, Cục Chuyển đổi số (thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường), Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Công an tỉnh

và các sở, ngành có liên quan.

- Kết quả: Kế hoạch chi tiết triển khai nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai theo Kế hoạch đã thống nhất của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an và đảm bảo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”. Kế hoạch được xây dựng theo lộ trình, phân kỳ tiến độ theo quý, theo tháng, gắn chỉ tiêu hoàn thành với từng đơn vị, địa bàn và từng nhóm dữ liệu.

- Thời gian hoàn thành: tháng 5/2026.

3. Tổ chức tuyên truyền, vận động và tạo đồng thuận xã hội

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Đơn vị phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Kết quả: Xây dựng và triển khai các chương trình tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, ý nghĩa của việc hoàn thành CSDL đất đai năm 2026; nhấn mạnh lợi ích thiết thực đối với người dân, doanh nghiệp (giảm hồ sơ, giảm thời gian, minh bạch thông tin...); vận động người dân, tổ chức, doanh nghiệp phối hợp cung cấp giấy tờ, thông tin cần thiết để phục vụ việc làm giàu, làm sạch dữ liệu; khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính qua môi trường điện tử; thiết lập, công khai các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc cập nhật, chỉnh lý dữ liệu đất đai; xử lý kịp thời các thông tin phản ánh chính đáng của người dân.

- Thời gian hoàn thành: thường xuyên.

4. Rà soát, thống kê, phân loại hiện trạng CSDL đất đai trên địa bàn

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng đăng ký đất đai; Ủy ban nhân dân cấp xã; Đơn vị thi công.

- Kết quả: Thống kê đầy đủ số lượng thửa đất trên địa bàn; phân loại theo 03 nhóm: đã “đúng - đủ - sạch - sống”; đã có trong CSDL nhưng cần hoàn thiện; chưa xây dựng CSDL; lập bản đồ hiện trạng phủ kín CSDL đất đai của địa phương, xác định rõ các khu vực còn “trắng” dữ liệu, khu vực dữ liệu chất lượng thấp, khu vực ưu tiên xử lý theo từng giai đoạn: Trên cơ sở kết quả rà soát, tiến hành cập nhật, hiệu chỉnh kế hoạch chi tiết, phân bổ lại chỉ tiêu và nguồn lực cho phù hợp với thực tế của các xã, phường.

- Thời gian hoàn thành: tháng 5/2026.

5. Rà soát, hoàn thiện hạ tầng và phần mềm

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính;

- Kết quả: Rà soát tổng thể hệ thống máy chủ, đường truyền, thiết bị an toàn bảo mật tại địa phương để có phương án nâng cấp, thuê dịch vụ CNTT, đảm bảo đáp ứng yêu cầu vận hành CSDL đất đai tập trung; lựa chọn và sử dụng thống nhất một phần mềm quản lý đất đai trên toàn tỉnh, đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu

chí kỹ thuật và kết nối đồng bộ về Trung ương.

- Thời gian hoàn thành: tháng 5/2026.

6. Tổ chức duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác các thửa đất đã “đúng - đủ - sạch - sống”

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ hành chính công); Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả: Ban hành hoặc hoàn thiện quy trình nội bộ về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật, chỉnh lý biên động đối với nhóm thửa đất đã đạt chuẩn, bảo đảm mọi biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được cập nhật kịp thời vào CSDL; phân công rõ trách nhiệm từng cấp, từng bộ phận (Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp xã) trong việc ghi nhận, kiểm tra, phê duyệt và đồng bộ dữ liệu; Thiết lập cơ chế theo dõi, cảnh báo tự động các hồ sơ biến động quá hạn chưa cập nhật; định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng cập nhật nhóm thửa đất đã được chuẩn hóa.

- Thời gian hoàn thành: thường xuyên.

7. Tổ chức làm giàu, làm sạch và hoàn thiện các thửa đất đã có trong CSDL nhưng chưa đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả: Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết, hoàn thiện các trường thông tin thuộc tính, pháp lý và không gian đối với các thửa đất, trong đó ưu tiên các khu vực đô thị, khu vực có nhiều giao dịch, khu vực có nguy cơ tranh chấp, khiếu kiện; Thành lập các tổ kỹ thuật làm giàu, làm sạch dữ liệu tại cấp tỉnh, phối hợp chặt chẽ với UBND cấp xã trong việc đối chiếu hồ sơ giấy, xác minh ngoài thực địa khi cần thiết; Tổ chức kiểm tra chéo, nghiệm thu chất lượng dữ liệu sau khi hoàn thiện; không công nhận hoàn thành chỉ tiêu nếu chưa bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”.

- Thời gian hoàn thành: tháng 6 năm 2026.

8. Triển khai xây dựng CSDL đất đai đối với các thửa đất chưa có dữ liệu

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Cục Quản lý đất đai, Cục Chuyển đổi số (Bộ Nông nghiệp và Môi trường); Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trung tâm dữ liệu quốc gia (Bộ Công an); Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu/đơn vị thực hiện theo đúng quy định, trong đó yêu cầu rõ trách nhiệm, sản phẩm, tiến độ và các tiêu chí về chất lượng dữ liệu; có cơ chế giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện. Thời gian hoàn thành: tháng 5 năm 2026.

- Chỉ đạo thu thập, tạo lập dữ liệu đối với các khu vực chưa có CSDL, các công việc cụ thể gồm: Chỉ đạo thu thập, số hóa hồ sơ giấy (giấy chứng nhận, hồ sơ cấp GCN, hồ sơ đo đạc...), nhập dữ liệu vào hệ thống và tích hợp đầy đủ với bản đồ địa chính, bảo đảm tối thiểu đạt tiêu chí “đúng - đủ - sạch” trước khi đưa vào vận hành; chỉ đạo UBND cấp xã và các đơn vị chuyên môn tổ chức đo đạc, kê khai đăng ký đất đai, thu thập hồ sơ pháp lý (Giấy chứng nhận, tài liệu đo đạc) đối với các thửa đất chưa có trong hệ thống; Đẩy mạnh việc huy động người dân cung cấp thông tin đất đai, bản chụp Giấy chứng nhận qua ứng dụng VNeID; hoàn thiện việc tổ chức CSDL đất đai theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; xây dựng Mã định danh duy nhất cho 100% thửa đất (kể cả thửa đất mới đo đạc). Thời gian hoàn thành: tháng 10 năm 2026.

9. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an ninh, an toàn hệ thống CSDL đất đai

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Kết quả:

+ Bố trí, nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ xây dựng, hoàn thiện và vận hành CSDL đất đai (máy chủ, thiết bị lưu trữ, đường truyền, thiết bị bảo mật, hệ thống sao lưu, dự phòng...) đáp ứng yêu cầu về hiệu năng và an toàn thông tin; Tổ chức đánh giá, kiểm tra an ninh mạng, an toàn dữ liệu đối với hệ thống CSDL đất đai trên địa bàn; triển khai các biện pháp bảo vệ, kiểm soát truy cập, ghi nhật ký, phát hiện và xử lý sự cố kịp thời; bảo đảm CSDL đất đai của địa phương đáp ứng các điều kiện kết nối, chia sẻ, đồng bộ với CSDL quốc gia về đất đai và các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành khác theo quy định.

+ Thường xuyên phối hợp Công an tỉnh kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cấp độ phù hợp cho hệ thống CSDL đất đai; xây dựng phương án dự phòng, sao lưu dữ liệu và ứng phó sự cố để đảm bảo hoạt động liên tục.

- Thời gian hoàn thành: Thường xuyên

10. Bố trí và huy động nguồn lực để hoàn thành CSDL đất đai

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài chính.

- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan, bố trí đầy đủ, kịp thời kinh phí từ ngân sách địa phương cho các nhiệm vụ đo đạc, số hóa, nhập dữ liệu, làm sạch, đồng bộ và vận hành CSDL đất đai theo Kế hoạch thực hiện CSDL đất đai năm 2026. Thời gian hoàn thành: tháng 5 năm 2026.

- Rà soát, kiện toàn đội ngũ công chức, viên chức, người lao động làm công tác đất đai và CNTT ở các cấp; tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sử dụng hệ thống CSDL đất đai. Nghiên cứu, huy động các nguồn lực hợp pháp khác (lồng ghép chương trình, dự án; hợp tác, đặt hàng dịch vụ

CNTT...) nhưng bảo đảm dữ liệu đất đai luôn thuộc quyền quản lý, kiểm soát của Nhà nước.

11. Tăng cường phối hợp liên ngành để triển khai và khai thác CSDL đất đai

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Xây dựng; Sở Tư pháp.

- Kết quả: Thiết lập các cơ chế làm việc liên ngành (tổ công tác liên ngành, tổ kỹ thuật...) để xử lý nhanh các vướng mắc về kỹ thuật, pháp lý trong quá trình hoàn thiện và sử dụng CSDL đất đai; đảm bảo việc sử dụng CSDL đất đai trong các lĩnh vực thuế, tài chính, quy hoạch, xây dựng, tín dụng, đăng ký giao dịch bảo đảm... được thực hiện thống nhất, đúng quy định.

- Thời gian hoàn thành: thường xuyên.

12. Tăng cường kiểm tra, giám sát, công tác hoàn thành CSDL đất đai

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả: Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch 2026 tại các xã; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những nơi chậm tiến độ, chất lượng dữ liệu không bảo đảm; sử dụng các công cụ giám sát do Trung ương cung cấp để theo dõi thời gian thực về tiến độ và chất lượng hoàn thiện dữ liệu theo từng nhóm thửa đất; xây dựng cơ chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện giữa các đơn vị, địa bàn trong tỉnh; gắn kết quả này với công tác thi đua, khen thưởng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng quý và hằng năm.

- Thời gian hoàn thành: thường xuyên.

13. Đồng bộ dữ liệu về Trung ương.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả: Thực hiện đồng bộ dữ liệu đất đai của địa phương về CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương theo chế độ thời gian thực (ngay khi có phát sinh giao dịch hoặc cập nhật mới).

- Thời gian hoàn thành: thường xuyên.

14. Tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm phục vụ hành chính công), Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Kết quả: Rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính về

đất đai trên cơ sở sử dụng tối đa CSDL đất đai và CSDL quốc gia về dân cư. Cắt giảm thành phần hồ sơ giấy đối với các thông tin đã có trong CSDL (như thông tin cư trú, thông tin thửa đất đã số hóa); mở rộng danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thực hiện trực tuyến toàn trình; hệ thống dịch vụ công trực tuyến được kết nối, khai thác trực tiếp từ CSDL đất đai đã hoàn thiện; sử dụng CSDL đất đai như một lớp dữ liệu nền trong các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của địa phương (quy hoạch, đầu tư công, tài chính, thuế, quản lý đô thị...), góp phần nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trên địa bàn.

- Thời gian hoàn thành: tháng 5 năm 2026.

15. Sơ kết, tổng kết và duy trì bền vững CSDL đất đai sau năm 2026

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả: Tổ chức sơ kết giữa kỳ và tổng kết việc hoàn thành CSDL đất đai năm 2026 tại địa phương; đánh giá đầy đủ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; xây dựng kế hoạch duy trì, cập nhật, vận hành CSDL đất đai giai đoạn sau năm 2026, bảo đảm dữ liệu luôn “đúng - đủ - sạch - sống” và được sử dụng thường xuyên trong quản lý nhà nước; Đề xuất, kiến nghị Trung ương (Chính phủ, các bộ, ngành) về cơ chế, chính sách, nguồn lực, hướng dẫn kỹ thuật để tiếp tục hoàn thiện, khai thác hiệu quả CSDL đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ **ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành** và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

2. Nguyên tắc lập, phân bổ và sử dụng kinh phí

a) Việc lập dự toán kinh phí phải căn cứ khối lượng nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra; tuân thủ quy định pháp luật, định mức kinh tế – kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định có liên quan; đồng thời phù hợp với việc ứng dụng công nghệ hiện đại theo yêu cầu chuyển đổi số bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí; kế thừa tối đa dữ liệu, hồ sơ, sản phẩm đã có.

b) Kinh phí thực hiện được tổng hợp theo các nhóm nhiệm vụ chủ yếu gồm: (i) đo đạc, lập/chỉnh lý bản đồ địa chính; (ii) đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính; (iii) số hóa, tạo lập dữ liệu và làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu; (iv) hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu đất đai; nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ vận hành hệ thống; (v) tuyên truyền, đào tạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu.

c) Trường hợp phát sinh nhu cầu kinh phí vượt dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, cân đối trong phạm vi dự toán; trường hợp không cân đối được, tổng hợp đề xuất gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo

UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

3. Quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí

Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phải đúng quy định hiện hành; gắn với **khối lượng thực hiện và sản phẩm được nghiệm thu**; bảo đảm đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định. Các cơ quan, đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của khối lượng, nội dung, định mức và hồ sơ thanh quyết toán.

4. Tổ chức thực hiện dự toán

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương xây dựng danh mục nhiệm vụ, khối lượng, sản phẩm; tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan thường trực, làm đầu mối chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu, tổ chức triển khai; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền, đảm bảo việc thực hiện đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh theo quy định.

- Thành lập các tổ/đội kỹ thuật làm giàu, làm sạch dữ liệu tại cấp tỉnh, phối hợp chặt chẽ với UBND cấp xã trong việc đối chiếu hồ sơ giấy, xác minh ngoài thực địa khi cần thiết; tổ chức kiểm tra chéo, nghiệm thu chất lượng dữ liệu sau khi hoàn thiện; không công nhận hoàn thành chỉ tiêu nếu chưa bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chi tiết, phân công cụ thể, tiến độ rõ ràng; bố trí đủ nhân lực, thiết bị đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với việc tổ chức làm giàu, làm sạch và hoàn thiện các thửa đất đã có trong CSDL nhưng chưa đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”; phân công cụ thể, tiến độ rõ ràng; bố trí đủ nhân lực, thiết bị đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được giao để triển khai xây dựng CSDL đất đai đối với các thửa đất chưa có dữ liệu.

- Xây dựng dự toán kinh phí các hạng mục công việc được giao thực hiện, thực hiện thẩm định, phê duyệt bảo đảm theo đúng quy định, thẩm quyền; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện tại các địa phương đảm bảo chất lượng, thời gian nêu trên.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện hàng tuần (báo cáo nhanh) và báo cáo chi tiết trước ngày 25 hàng tháng.

2. Công an tỉnh

- Làm đầu mối phối hợp với Cục C06 - Bộ Công an trong xử lý các khó

khẩn, vướng mắc liên quan đến quá trình xác thực, đối soát qua CSDL quốc gia về dân cư.

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện cung cấp thông tin Giấy chứng nhận qua hệ thống VNeID.

- Chủ trì thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung thông tin các chủ sử dụng đất đối với trường hợp đối soát, xác thực sai lệch thông tin chủ sử dụng đất. Chỉ đạo Công an cấp xã phối hợp với phòng, ban chức năng của địa phương trong việc tham mưu tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch này.

- Bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu của hệ thống đang vận hành tại địa phương, xây dựng phương án dự phòng, ứng phó khi xảy ra sự cố.

3. Sở Tài chính

Tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt theo khả năng cân đối ngân sách và các quy định hiện hành, bảo đảm hoàn thành mục tiêu Kế hoạch đã đề ra.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì thẩm định phương án kỹ thuật liên quan đến xây dựng CSDL đất đai và các công nghệ khác liên quan như: thiết bị bay không người lái UAV/Drone; công nghệ định vị, dẫn đường bằng hệ thống vệ tinh toàn cầu GNSS ... và nền tảng hệ thống liên quan đến xây dựng CSDL đất đai; chủ trì kết nối CSDL đất đai Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Gia Lai phục vụ công tác giám sát, quản lý, chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai tổ chức phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường thực hiện tuyên truyền, phổ biến đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai sâu rộng đến nhân dân, các chủ sử dụng đất.

6. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công); Thuế tỉnh Gia Lai

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai với: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp thông suốt, không bị gián đoạn.

7. Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động bay (nếu thuộc trường hợp phải cấp phép), bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch theo đúng yêu cầu đề ra.

8. UBND các xã, phường

- Thành lập Tổ công tác tại cấp xã, cử một (01) Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường (có văn bản phân công công tác, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường) làm đầu mối để tiếp nhận thông tin và chỉ đạo giải quyết

kịp thời công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, địa bàn. Hoàn thành trước ngày 16/5/2026.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến công tác làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai đến người sử dụng đất để được biết quyền lợi khi tiếp cận thông tin về đất đai, tạo thuận tiện khi sử dụng Công dịch vụ công quốc gia, sử dụng ứng dụng VNeID.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện tại địa phương; lập phương án nhiệm vụ theo thẩm quyền, trách nhiệm trình thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định; phổ biến, giao nhiệm vụ đến các phòng chuyên môn của cấp xã có liên quan; phân rõ người, rõ trách nhiệm, rõ việc, rõ thời gian đảm bảo quy trình phối hợp thực hiện; bố trí đủ nguồn lực đảm bảo thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong suốt quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Thông tin cho các cá nhân/tổ chức trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp thực hiện đăng ký kê khai đất đai, cung cấp thông tin Giấy chứng nhận qua hệ thống VNeID hoặc trong quá trình thu thập bằng hình thức quét (scan)/chụp Giấy chứng nhận, thẻ căn cước/CCCD cho các tổ công tác thực hiện Kế hoạch.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai, trường hợp có khó khăn, vướng mắc phát sinh, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, tháo gỡ và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT;
- Bộ Công an (C06);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BCĐ của tỉnh;
- Công an tỉnh;
- BCHQS tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Công an các xã, phường;
- CVP, PVP VX;
- TTPVHCC;
- Lưu: VT, N_{1,4}, V₉.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh